

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung.

- 1.1 Tên cơ sở sản xuất, nhập khẩu: Công ty TNHH Kwang Yang Việt Nam
- 1.2 Địa chỉ: Lô C2-2, C2-3 KCN Đại Đăng, khu phố 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- 1.3 Loại phương tiện: Xe gắn máy hai bánh.
- 1.4 Nhãn hiệu: KYMCO
- 1.5 Tên thương mại: LIKE 50
- 1.6 Mã kiểu loại (số loại): LIKE 50 KA10EC
- 1.7 Số chứng nhận: 0087/VAQ06-01/20-00 ngày 10/06/2020
- 1.8 Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 5536/NETC-M/22/C ngày 19/05/2022

2. Thông số kỹ thuật của xe.

- 2.1 Khối lượng bản thân: 101 kg.
- 2.2 Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 231 kg
- 2.3 Động cơ
 - 2.3.1. Kiểu động cơ: KYMCO RPYKA10EC; Loại động cơ: Xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng không khí.
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (dung tích xy lanh): 49,5cm³
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/ số vòng quay: 2,7/8500 kW/rpm
- 2.4 Hệ thống cung cấp nhiên liệu: Chế hòa khí.
- 2.5 Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: Tự động
 - 2.5.2. Số lượng tỉ số truyền: Vô cấp
 - 2.5.3. Tỉ số truyền từng cấp số: N/A
- 2.6 Tỉ số truyền cuối cùng: 13,629
- 2.7 Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 90/90-12; áp suất lốp: 175 kPa
 - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 90/90-12; áp suất lốp: 175 kPa
- 2.8 Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 50 km/h

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

- 3.1 Chu trình thử: TCVN7358:2010
- 3.2 Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 2,10L/100km



4. **Mẫu nhãn năng lượng công khai.** Nhãn năng lượng được thiết kế dựa theo quyết định số: 1500/QĐ-BCT ngày 30/05/2019 của Bộ Công Thương.



5. Ghi chú (nếu có)

Bình Dương, ngày tháng năm 2022



PHÓ GIÁM ĐỐC KTSX
Đỗ Minh Dũng

